

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày 23-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Diễm

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Nở, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: **30/2020/TLST-HS** ngày 22 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Thạch Th, sinh năm 1983 tại Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp Giồng Ông Th, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Q, sinh năm 1951 và bà Thạch Thị T, sinh năm 1951; sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn với Thạch Thị V, sinh năm 1985 và có con chung tên Thạch Th, sinh năm 2012; tiền án: không có, tiền sự: không có; nhân thân: tốt; ngày 12/4/2020 bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày xét xử. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Diệp Minh Tr, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- Bị hại: Ông Tăng Thành X, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp Vàm R A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Chỗ ở: ấp Trà L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Kim Thị Sa B (tên gọi khác: B), sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- Người làm chứng:

Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp Vàm R A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Chỗ ở: ấp Trà L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Vắng mặt).

Ông Kim Ngọc S, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp Trà L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt)

Ông Kiên Ngọc D, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Trà L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu, chứng cứ của vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại cáo trạng số: 34/CT-VKS-HS ngày 21 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Thạch Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, cụ thể như sau: Khoảng 09 giờ ngày 09/4/2020, Thạch Th đến nhà Kim Thị Sa B mượn xe mô tô biển số: 84H4-6173 nói đi mua gà. Khoảng 19 giờ cùng ngày Thạch Th điều khiển xe mô tô biển số: 84H4-6173 đến nhà ông Thạch Q trú tại ấp Bảy Xào D A, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh hỏi mua gà, không mua được nên ở chơi nhà ông Q. Khoảng 01 giờ ngày 10/4/2020, Thạch Th điều khiển xe mô tô biển số: 84H4-6173 về nhà. Đến khu vực Chùa K thuộc xã S, Thạch Th thấy nhà ông Tăng Thành X đèn sáng, cửa nhà sau không khóa nên nảy sinh ý định trộm tài sản. Sau đó, Thạch Th dẫn xe mô tô biển số: 84H4-6173 vào đất trống cách nhà ông X khoảng 30m (hướng Đông) xong đi bộ đến cửa nhà sau ông X dùng tay đẩy cửa vào trong tìm tài sản lấy trộm. Nhưng vợ chồng ông X chưa ngủ nên Thạch Th ra ngoài nhà ngồi đợi. Khoảng 02 giờ cùng ngày, Thạch Th vào nhà ông X một lần nữa, thấy vợ chồng ông X đã ngủ, đèn sáng nên Thạch Th vào phòng ngủ vợ chồng ông X, nhìn thấy 01 túi sách bằng da trên nệm gần cửa, Thạch Th lục soát bên trong không có tài sản nên để lại chỗ cũ. Sau đó, Thạch Th thấy 01 quần short trên nệm có nón bảo hiểm để trên quần nên lục soát trong túi quần thấy có tiền, Thạch Th lấy tiền ra đếm được 3.585.000đ xong cất giấu trong túi quần của mình. Cùng lúc bà T vợ của ông X thức giấc đi vệ sinh, sợ bị phát hiện nên Thạch Th nép vào tường, đi vệ sinh xong bà T trở lại phòng ngủ thì phát hiện Thạch Th và truy hô. Sau đó Thạch Th bỏ chạy về nhà và gọi điện thoại cho bà Kim Thị Sa B nói bị người khác đuổi đánh nên bỏ chạy để lại xe 84H4-6173 gần Chùa K và kêu bà Sa B đến chờ đi lấy xe, gọi điện thoại xong Thạch Th tẩm thay quần áo khác. Khoảng 03 giờ 20 phút cùng ngày, bà Sa B đến nhà Thạch Th và Thạch Th điều khiển xe mô tô chở bà Sa B đến chỗ Thạch Th giấu xe mô tô biển số: 84H4-6173 để lấy xe, nhưng không thấy nên Thạch Th đến hỏi ông Kim Ngọc S nhà ở gần đó và được ông S cho biết xe đã bị Công an tạm giữ. Sau đó, tại Công an Thạch Th thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: Một xe mô tô biển số 84H4-6173, loại xe Wave, màu đỏ, số máy VTTJL1P52FMH7003888, số khung RRRWCHSUM5X003888 đã qua sử dụng; tiền mặt 3.585.000đ, loại tiền Việt Nam; 01 nón kết màu xanh – đen và 01 đôi dép lười màu đỏ đã qua sử dụng.

Ngày 12/5/2020 Cơ quan Cảnh sát Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả cho ông Tăng Thành X số tiền 3.585.000đ và ngày 25/5/2020 trả cho bà Kim Thị Sa B xe mô tô biển số: 84H4-6173.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Tăng Thành X đã nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu.

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C không truy tố bổ sung, Phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ, vật chứng, tình tiết, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Thạch Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Điều 65, điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thạch Th từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng. Về tang vật, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 nón kết màu xanh – đen và 01 đôi dép lười màu đỏ đã qua sử dụng. Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo chịu theo quy định.

Bị cáo khai nhận vào khoảng 02 giờ 10 phút ngày 10/4/2020 một mình bị cáo điều khiển xe mô tô: 84H4-6173. Sau đó vào nhà ông X ấp Trà L, xã Thanh S, huyện C, tỉnh Trà Vinh lấy trộm tài sản là tiền mặt 3.585.000đ gồm 07 tờ mệnh giá 500.000đ, 04 tờ mệnh giá 20.000đ, 01 tờ mệnh giá 5.000đ, bị cáo đã giao nộp Công an trả lại cho bị hại. Lời nói sau cùng, bị cáo biết sai, hứa không vi phạm nữa và yêu cầu xử nhẹ cho bị cáo.

Bà Kim Thị Sa B khai là bạn của bị cáo, thừa nhận có cho bị cáo mượn xe mô tô: 84H4-6173 để sử dụng, nhưng không biết bị cáo sử dụng xe đi trộm tài sản, bà đã nhận lại xe mô tô: 84H4-6173 nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo phát biểu cho rằng cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, phạm tội do nhất thời, lần đầu ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, khi bị phát hiện đã chỉ cho cơ quan điều tra nơi cất giấu tiền để tịch thu trả cho bị hại, bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt các quy định ở địa phương trong thời gian cấm khỏi nơi cư trú, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nhẹ nhất có thể cho bị cáo phù hợp hành vi của bị cáo. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo khai thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hành vi của bị cáo được thể hiện vào khoảng 02 giờ 10 phút ngày 10/4/2020 trên đường về nhà, một mình bị cáo Thạch Th điều khiển xe mô tô biển số: 84H4-6173. Khi đến nhà ông Tăng Thành X thuộc ấp Trà L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh nhìn thấy trong nhà ông X đèn còn sáng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau khi lấy trộm được

tài sản bị cáo cất giấu trong túi quần rồi nhanh chóng chạy thoát khi bị phát hiện, truy hô. Hành vi của bị cáo là lén lút nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, tài sản bị cáo chiếm đoạt được là tiền mặt 3.585.000đ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cho thấy cáo trạng số 34/CT-VKS-HS ngày 21/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Thạch Thi về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Về tính chất và mức độ nguy hiểm, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng lao động và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, nhưng tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Vị kiểm sát viên và Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nhận thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, là dân tộc Khmer học văn thấp nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy căn cứ quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự về án treo thì không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách phù hợp cũng không gây nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, bị hại ông Tăng Thành Xuyên đã nhận lại tài sản và không yêu cầu. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không giải quyết.

[5] Về vật chứng, xe mô tô biển số 84H4-6173 loại xe Wave, màu đỏ, số máy VTTJL1P52FMH7003888, số khung RRKWCHSUM5X003888 đã qua sử dụng; tiền mặt 3.585.000đ, loại tiền Việt Nam đã trả lại cho ông X và bà Sa B. Xét thấy tại quyết định xử lý vật chứng số 07 ngày 12/5/2020 và biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thể hiện ông X đã nhận lại số tiền 3.585.000đ. Đối với xe mô tô biển số 84H4-6173, tại quyết định xử lý vật chứng số 10 ngày 25/5/2020 và biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 26/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thể hiện bà Sa B đã nhận lại xe và không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Riêng 01 nón kết màu xanh – đen và 01 đôi dép lười màu đỏ đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí, bị cáo có nghĩa vụ chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường Quốc hội.

[7] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, các hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra, truy tố đều đúng quy định của pháp luật, bị cáo và những người

tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra, truy tố đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Thạch Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về Hình phạt: Xử phạt bị cáo Thạch Th 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày bản án sơ thẩm tuyên.

Giao bị cáo Thạch Th cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại: Không giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu và tiêu hủy 01 nón kết màu xanh – đen và 01 đôi dép lười màu đỏ đã qua sử dụng.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thạch Th chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Kim Thị Hồng Nga**

- Công an huyện C;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Thanh S, huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.